

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019**

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

---

## MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 43

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được soát xét.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<b><u>Hội đồng quản trị</u></b>			
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	06/6/2017	
Ông Huỳnh Tuấn Anh	Thành viên	27/4/2018	
Ông Đặng Đức Hiền	Thành viên	06/6/2017	
Ông Trần Quang Minh	Thành viên	06/6/2017	
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	06/6/2017	
Ông Lê Huy Hùng	Thành viên	06/6/2017	
Ông Trần Văn Châu	Thành viên	06/6/2017	
<b><u>Ban kiểm soát</u></b>			
Bà Lại Thị Thu	Trưởng ban	06/6/2017	
Bà Dương Quỳnh Nga	Ủy viên	06/6/2017	
Bà Trương Thị Thanh Nhung	Ủy viên	06/6/2017	
Ông Nguyễn Ngọc Lương	Ủy viên	06/6/2017	
Bà Lê Thị Kim Xuyên	Ủy viên	06/6/2017	
<b><u>Ban Giám đốc</u></b>			
Ông Huỳnh Tuấn Anh	Giám đốc	27/4/2018	
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Giám đốc	06/6/2017	
Bà Lê Thị Thanh Tâm	Phó Giám đốc	06/6/2017	
Ông Nguyễn Anh Kiệt	Phó Giám đốc	15/3/2019	
Bà Hồ Thị Kim Phượng	Phó Giám đốc	01/7/2019	
Bà Vũ Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng	06/6/2017	

### ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Huỳnh Tuấn Anh, chức danh Giám đốc Công ty.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**HUYNH TUẤN ANH - Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2019

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2019, từ trang 6 đến trang 43 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT (tiếp theo)

---

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2019

**Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt**



**NGUYỄN THỊ THOM – Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu Vietland

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

**MẪU B01a-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>150.290.180.399</b>	<b>130.415.903.775</b>
<b>I . Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>33.133.810.484</b>	<b>32.462.303.526</b>
1 . Tiền	111		33.133.810.484	18.462.303.526
2 . Các khoản tương đương tiền	112		-	14.000.000.000
<b>II . Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>64.600.355.526</b>	<b>50.596.753.234</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	64.600.355.526	50.596.753.234
<b>III . Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>34.191.696.457</b>	<b>24.618.651.194</b>
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	22.940.131.431	20.962.680.069
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.138.648.292	3.649.014.710
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	5.327.652.503	2.221.692.184
4 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.214.735.769)	(2.214.735.769)
<b>IV . Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>15.463.152.595</b>	<b>16.295.325.787</b>
Hàng tồn kho	141		15.463.152.595	16.295.325.787
<b>V . Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.901.165.337</b>	<b>6.442.870.034</b>
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.603.497.031	2.213.660.600
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152		949.129.201	4.229.209.434
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	348.539.105	-
<b>B . TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>282.996.782.522</b>	<b>292.814.137.848</b>
<b>I . Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13.292.634</b>	<b>13.292.634</b>
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	13.292.634	13.292.634
<b>II . Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>214.953.947.401</b>	<b>222.772.919.456</b>
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	213.792.123.226	222.302.125.599
Nguyên giá	222		742.487.840.226	728.842.790.708
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(528.695.717.000)	(506.540.665.109)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.161.824.175	470.793.857
Nguyên giá	228		6.093.489.666	5.074.186.666
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.931.665.491)	(4.603.392.809)
<b>III . Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV . Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.11</b>	<b>8.260.900.685</b>	<b>9.690.368.158</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.260.900.685	9.690.368.158
<b>V . Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>8.330.000</b>	<b>8.330.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	8.330.000	8.330.000
<b>VI . Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>59.760.311.802</b>	<b>60.329.227.600</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	59.760.311.802	60.329.227.600
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>433.286.962.921</b>	<b>423.230.041.623</b>

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
<b>C . NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>222.361.102.037</b>	<b>212.501.383.269</b>
<b>I . Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>173.748.663.144</b>	<b>169.862.060.477</b>
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	76.949.396.459	106.546.476.852
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	7.164.660.021	6.259.777.265
3 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	11.232.966.722	11.757.132.561
4 . Phải trả người lao động	314		4.663.678.460	15.936.994.299
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	41.882.398.171	12.090.394.702
6 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	21.345.545.724	10.254.644.878
7 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	5.030.880.000	3.737.480.000
8 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	5.479.137.587	3.279.159.920
<b>II . Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>48.612.438.893</b>	<b>42.639.322.792</b>
1 . Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	16.554.728.200	16.371.815.341
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	29.023.558.366	23.454.660.986
3 . Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	3.034.152.327	2.812.846.465
<b>D . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>210.925.860.884</b>	<b>210.728.658.354</b>
<b>I . Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>210.925.860.884</b>	<b>210.728.658.354</b>
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>130.000.000.000</i>	<i>130.000.000.000</i>
2 . Quỹ đầu tư phát triển	418		63.849.723.527	63.849.723.527
3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.076.137.357	16.878.934.827
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>942.434.827</i>	<i>3.325.468.227</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>16.133.702.530</i>	<i>13.553.466.600</i>
<b>II . Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>433.286.962.921</b>	<b>423.230.041.623</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2019

  
 NGUYỄN THỊ KIM LOAN  
 Người lập biểu

  
 VŨ THỊ NHƯ QUỲNH  
 Kế toán trưởng

  
 HUỲNH TUẤN ANH  
 Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**


Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019


MẪU B02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
			đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		522.215.351.401	485.502.944.905
2 . Các khoản giảm trừ doanh thu	02		592.960.320	263.991.228
<b>3 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>521.622.391.081</b>	<b>485.238.953.677</b>
4 . Giá vốn hàng bán	11	VI.2	472.323.877.211	463.347.523.807
<b>5 . Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>49.298.513.870</b>	<b>21.891.429.870</b>
6 . Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	939.664.440	591.337.604
7 . Chi phí tài chính	22	VI.4	1.269.677.818	340.461.419
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.269.677.818</i>	<i>340.461.419</i>
8 . Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.914.753.405	7.978.356.284
9 . Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	20.080.133.144	18.455.350.789
<b>10 . Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>19.973.613.943</b>	<b>(4.291.401.018)</b>
11 . Thu nhập khác	31		1.007.023.011	1.080.220.551
12 . Chi phí khác	32		1.240.580.381	(16.245.764)
<b>13 . Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>VI.7</b>	<b>(233.557.370)</b>	<b>1.096.466.315</b>
<b>14 . Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>19.740.056.573</b>	<b>(3.194.934.703)</b>
15 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	3.385.048.181	-
16 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.19	221.305.862	729.688.624
<b>17 . Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>16.133.702.530</b>	<b>(3.924.623.327)</b>
<b>18 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.9a</b>	<b>1.241</b>	<b>(302)</b>
<b>19 . Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.9b</b>	<b>1.241</b>	<b>(302)</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2019


  
**NGUYỄN THỊ KIM LOAN**  
 Người lập biểu


  
**VŨ THỊ NHƯ QUỲNH**  
 Kế toán trưởng


  
**HUỲNH TUẤN ANH**  
 Giám đốc


**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

MẪU B03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.740.056.573	(3.194.934.703)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		23.299.046.972	22.611.101.788
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(839.824.146)	(664.988.426)
- Chi phí lãi vay	06		1.269.677.818	340.461.419
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		43.468.957.217	19.091.640.078
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.582.973.909)	(3.084.113.153)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		832.173.192	5.133.866.791
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.567.668.275)	10.931.478.063
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.179.079.367	13.808.438.966
- Tiền lãi vay đã trả	14		(798.917.502)	(340.461.419)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.631.177.025)	(3.520.826.326)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	113.590.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.386.822.333)	(3.831.803.840)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>28.512.650.732</b>	<b>38.301.809.160</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(22.551.881.826)	(35.857.970.928)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	73.650.822
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(57.800.355.526)	(48.044.164.384)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		43.796.753.234	13.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.881.134.214	674.775.104
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(34.674.349.904)</b>	<b>(70.153.709.386)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		9.129.737.380	16.761.338.627
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.267.440.000)	(895.990.345)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29.091.250)	(3.669.478.965)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>6.833.206.130</b>	<b>12.195.869.317</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>671.506.958</b>	<b>(19.656.030.909)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>32.462.303.526</b>	<b>50.360.540.017</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>33.133.810.484</b>	<b>30.704.509.108</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2019

  
**NGUYỄN THỊ KIM LOAN**  
 Người lập biểu

  
**VŨ THỊ NHƯ QUỲNH**  
 Kế toán trưởng

  
**HUYỄN TUẤN ANH**  
 Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**MẪU B 09a-DN****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

*Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:*

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 02 tháng 6 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 5 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số 0304797806 ngày 18 tháng 5 năm 2018, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Huỳnh Tuấn Anh thay thế Ông Lê Trọng Hiếu.

• **Vốn điều lệ** : 130.000.000.000 VND

Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, Tp. HCM	300.000	3.000.000.000	2,31
2	Ngân hàng TMCP Đông Á	130 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM	276.652	2.766.520.000	2,13
3	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. HCM	33 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM	300.500	3.005.000.000	2,31
4	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	01 Công Trường Quốc Tế, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM	6.630.400	66.304.000.000	51,00
5	Các cổ đông khác		5.492.448	54.924.480.000	42,25
	<b>Cộng</b>		<b>13.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## • Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (84-028) 3 855 2354  
Fax : (84-028) 3 955 0424  
Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

## 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

## 3. Ngành, nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa.

## 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

## 5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 464 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 456 người).

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 thuộc kỳ kế toán năm thứ 13 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### 2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

##### ***Tài sản tài chính***

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

##### ***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ tài chính.

#### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

#### **4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **5. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **6. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi; các khoản thu không mang tính thương mại như tạm ứng nhân viên; các khoản ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013” và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

## 9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Giá trị phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02 - 03 năm.

## 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### *Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản*

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng,... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### *Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ) hoặc chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

## 11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cải tạo ống mục và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí gắn đồng hồ nước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.
- Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí cải tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

## 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

## 13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

### *Cơ cấu vốn chủ sở hữu*

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### *Phân phối lợi nhuận thuần*

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

## 14. Doanh thu

### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## 15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## 16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## 17. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

## 18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 Công ty đã hết thời gian được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp nên Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

#### 20. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

#### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Tiền mặt	44.724.127	15.458.083
Tiền gửi ngân hàng	33.089.086.357	18.446.845.443
Các khoản tương đương tiền	-	14.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>33.133.810.484</u></b>	<b><u>32.462.303.526</u></b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>64.600.355.526</b>	<b>64.600.355.526</b>	<b>50.596.753.234</b>	<b>50.596.753.234</b>
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn (i)</i>	<i>31.800.355.526</i>	<i>31.800.355.526</i>	<i>33.096.753.234</i>	<i>33.096.753.234</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (ii)</i>	<i>32.800.000.000</i>	<i>32.800.000.000</i>	<i>17.500.000.000</i>	<i>17.500.000.000</i>
b) <b>Dài hạn</b>	<b>8.330.000</b>	<b>8.330.000</b>	<b>8.330.000</b>	<b>8.330.000</b>
<i>Đầu tư mua cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương (iii)</i>	<i>8.330.000</i>	<i>8.330.000</i>	<i>8.330.000</i>	<i>8.330.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>64.608.685.526</b>	<b>64.608.685.526</b>	<b>50.605.083.234</b>	<b>50.605.083.234</b>

(i) Ghi nhận khoản gửi tiền gửi kỳ hạn từ 6 - 8 tháng. Lãi suất 7,1 - 7,4%/ năm.

(ii) Ghi nhận khoản gửi tiền gửi kỳ hạn từ 6 - 9 tháng. Lãi suất từ 6 - 7% năm.

(iii) Số lượng 922 cổ phiếu.

## 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2019	01/01/2019
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	9.401.199.062	12.951.055.881
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước	13.287.770.351	6.596.064.211
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ khác	251.162.018	1.415.559.977
<b>Cộng</b>	<b>22.940.131.431</b>	<b>20.962.680.069</b>

### *Phải thu của khách hàng là các bên liên quan*

<i>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn</i>	<i>9.401.199.062</i>	<i>12.951.055.881</i>
<i>Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch</i>	<i>-</i>	<i>292.958.500</i>
<b>Cộng</b>	<b>9.401.199.062</b>	<b>13.244.014.381</b>

## 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty TNHH ĐTXD - Cấp Thoát Nước & Môi Trường WASEEN	2.328.944.255	734.715.075
Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn	2.231.400.000	21.600.000
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	-	1.021.211.847
DNTN Vận Tài Du Lịch Hoàng Quân	466.160.000	-
Công ty TNHH MTV Bá Đức	1.221.360.401	1.424.379.997
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước	176.086.107	103.158.207
Công ty TNHH Du Lịch Trần Việt	1.074.192.000	-
Các khách hàng khác	640.505.529	343.949.584
<b>Cộng</b>	<b>8.138.648.292</b>	<b>3.649.014.710</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

*Trả trước cho người bán là các bên liên quan*

*Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước*

*Cộng*

176.086.107

103.158.207

176.086.107

103.158.207

### 5. Phải thu khác

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	5.327.652.503	-	2.221.692.184	-
Phải thu khác là bên liên quan	15.695.000	-	15.695.000	-
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch	15.695.000	-	15.695.000	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>5.311.957.503</b>	<b>-</b>	<b>2.205.997.184</b>	<b>-</b>
Phải thu về khoản cho mượn vật tư	4.994.020.384	-	882.388.624	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	941.469.774	-
Phải thu khác	273.837.119	-	382.138.786	-
Tạm ứng	44.100.000	-	-	-
b) <b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>13.292.634</b>	<b>-</b>	<b>13.292.634</b>	<b>-</b>
Ký quỹ dài hạn	13.292.634	-	13.292.634	-
<b>Cộng</b>	<b>5.340.945.137</b>	<b>-</b>	<b>2.234.984.818</b>	<b>-</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 6. Nợ xấu

	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>5.041.407.910</b>	<b>2.826.672.141</b>	<b>2.214.735.769</b>	<b>5.041.407.910</b>	<b>2.826.672.141</b>	<b>2.214.735.769</b>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>5.041.407.910</i>	<i>2.826.672.141</i>	<i>2.214.735.769</i>	<i>5.041.407.910</i>	<i>2.826.672.141</i>	<i>2.214.735.769</i>
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước, dịch vụ khác	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769
<b>Cộng</b>	<b>5.041.407.910</b>	<b>2.826.672.141</b>	<b>2.214.735.769</b>	<b>5.041.407.910</b>	<b>2.826.672.141</b>	<b>2.214.735.769</b>

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng, cung cấp dịch vụ, xây dựng,... hay các khoản phải thu khác,.. đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,.. theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 7. Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.335.371.350	-	16.167.544.542	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	127.781.245	-	127.781.245	-
<b>Cộng</b>	<b>15.463.152.595</b>	<b>-</b>	<b>16.295.325.787</b>	<b>-</b>

### 8. Chi phí trả trước

	30/06/2019	01/01/2019
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>1.603.497.031</b>	<b>2.213.660.600</b>
Công cụ dụng cụ	1.603.497.031	1.443.860.596
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	-	769.800.004
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>59.760.311.802</b>	<b>60.329.227.600</b>
Chi phí sửa chữa văn phòng	364.852.164	127.590.081
Gắn đồng hồ nước theo Nghị định 117	42.453.483.833	43.602.581.187
Thay đồng hồ nước	10.715.226.318	9.513.146.861
Chi phí cải tạo ống mục	1.085.710.040	833.154.405
Lắp đặt màn sáo	-	12.941.530
Chi phí cải tạo ống mục phục vụ CTTN	5.035.574.546	4.997.114.068
Công cụ dụng cụ	-	35.521.955
Phần mềm ARCGIS	-	996.247.708
Xây dựng nhà kho vật tư	105.464.901	210.929.805
<b>Cộng</b>	<b>61.363.808.833</b>	<b>62.542.888.200</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
01/01/2019	29.216.148.586	1.004.708.486	679.856.926.952	18.765.006.684	728.842.790.708
Tăng trong kỳ	-	539.318.182	13.964.111.775	132.500.000	14.635.929.957
Mua trong kỳ	-	539.318.182	1.200.563.818	132.500.000	1.872.382.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	12.763.547.957	-	12.763.547.957
Giảm trong kỳ	-	-	990.880.439	-	990.880.439
Thanh lý, nhượng bán	-	-	915.562.693	-	915.562.693
Quyết toán lại	-	-	75.317.746	-	75.317.746
<b>30/06/2019</b>	<b>29.216.148.586</b>	<b>1.544.026.668</b>	<b>692.830.158.288</b>	<b>18.897.506.684</b>	<b>742.487.840.226</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
01/01/2019	1.744.608.733	889.171.758	489.441.407.626	14.465.476.992	506.540.665.109
Tăng trong kỳ	292.765.242	60.140.111	21.456.781.445	1.161.087.492	22.970.774.290
Khấu hao trong kỳ	292.765.242	60.140.111	21.456.781.445	1.161.087.492	22.970.774.290
Giảm trong kỳ	-	-	815.722.399	-	815.722.399
Thanh lý, nhượng bán	-	-	815.722.399	-	815.722.399
<b>30/06/2019</b>	<b>2.037.373.975</b>	<b>949.311.869</b>	<b>510.082.466.672</b>	<b>15.626.564.484</b>	<b>528.695.717.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
01/01/2019	27.471.539.853	115.536.728	190.415.519.326	4.299.529.692	222.302.125.599
<b>30/06/2019</b>	<b>27.178.774.611</b>	<b>594.714.799</b>	<b>182.747.691.616</b>	<b>3.270.942.200</b>	<b>213.792.123.226</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
01/01/2019	-	801.366.486	279.536.766.250	8.307.711.043	288.645.843.779
30/06/2019	-	801.366.486	290.209.251.429	9.516.067.828	300.526.685.743

### 10. Tài sản cố định vô hình

	01/01/2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2019
<b>Phần mềm máy tính</b>				
Nguyên giá	5.074.186.666	1.019.303.000	-	6.093.489.666
Hao mòn lũy kế	(4.603.392.809)	(328.272.682)	-	(4.931.665.491)
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>470.793.857</b>			<b>1.161.824.175</b>

Nguyên giá của các phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 4.221.186.666 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 3.951.186.666 VND).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Công trình di dời đường ống	3.428.234.997	3.421.749.270
Công trình chống thất thoát nước	986.897.046	986.897.053
Công trình cải tạo ống mục	-	-
Phát triển mạng lưới	2.721.538.701	2.820.694.737
Công trình ống cái	1.124.229.941	1.441.724.098
Phát triển phần mềm ARCGIS	-	1.019.303.000
<b>Cộng</b>	<b><u>8.260.900.685</u></b>	<b><u>9.690.368.158</u></b>

## 12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>30/06/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	69.009.450.310	69.009.450.310	95.768.554.632	95.768.554.632
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh	150.756.456	150.756.456	223.677.256	223.677.256
Công ty CP Cấp nước Tân Hòa	10.967.100	10.967.100	-	-
Công ty CP Kỹ thuật Bách Nghệ Phú Thọ	774.632.232	774.632.232	67.584.000	67.584.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa	1.444.465.000	1.444.465.000	454.778.500	454.778.500
Công ty TNHH PTP	2.167.357.500	2.167.357.500	-	-
Công ty Cổ phần ĐT XD Kỹ Nguyên	756.243.764	756.243.764	6.409.323.688	6.409.323.688
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	-	-	74.106.992	74.106.992
Các nhà cung cấp khác	2.635.524.097	2.635.524.097	3.548.451.784	3.548.451.784
<b>Cộng</b>	<b><u>76.949.396.459</u></b>	<b><u>76.949.396.459</u></b>	<b><u>106.546.476.852</u></b>	<b><u>106.546.476.852</u></b>

## Phải trả người bán là các bên liên quan

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	69.009.450.310	95.768.554.632
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh	150.756.456	223.677.256
Công ty CP Cấp nước Tân Hòa	10.967.100	-
<b>Cộng</b>	<b><u>69.171.173.866</u></b>	<b><u>95.992.231.888</u></b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Truy thu tiền thất thoát nước	534.185.494	624.679.257
Tạm thu chi phí thiết kế ống ngầm	255.893.390	226.393.390
Tiền nước chưa giải trách	6.367.646.947	5.390.542.199
Các khách hàng khác	6.934.190	18.162.419
<b>Cộng</b>	<b><u>7.164.660.021</u></b>	<b><u>6.259.777.265</u></b>

#### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	<u>01/01/2019</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>30/06/2019</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa/ dịch vụ cung cấp trong nước	656.393.409	(16.936.650)	639.456.759	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.297.663.861	3.385.048.181	2.631.177.025	2.051.535.017
Thuế thu nhập cá nhân	399.384.651	1.650.194.661	2.398.118.417	(348.539.105)
Tiền thuê đất	-	590.234.400	590.234.400	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9.403.690.640	48.802.639.345	49.024.898.280	9.181.431.705
- Phí bảo vệ môi trường	9.403.690.640	48.799.639.345	49.021.898.280	9.181.431.705
- Phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>11.757.132.561</u></b>	<b><u>54.408.179.937</u></b>	<b><u>55.280.884.881</u></b>	<b><u>10.884.427.617</u></b>

#### Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	348.539.105
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>11.757.132.561</u>	<u>11.232.966.722</u>

#### • **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng:

- Cung cấp nước : 5%.
- Cung cấp dịch vụ : 10%.

#### • **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8.

#### • **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo qui định hiện hành.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	840.818.087	6.658.888.973
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo nghị định 117	3.869.963.141	4.284.122.474
Trích chi phí sửa bể, TLMD sửa bể, nâng dờn đồng hồ nước	3.857.245.199	-
Trích trước chênh lệch giá mua sỉ	5.218.862.269	-
Trích trước chi phí gắn ống cái	556.854.421	186.857.932
Thù lao Hội đồng Quản trị	216.000.000	345.600.003
Chi phí Bảo hiểm nhân thọ, khám sức khỏe, phí tham quan cho nhân viên	3.691.263.634	-
Chi phí lãi vay	470.760.316	-
Trích trước chi phí thuê tài sản	23.160.631.104	-
Chi phí khác (kinh phí đảng, DV vệ sinh)	-	614.925.320
<b>Cộng</b>	<b><u>41.882.398.171</u></b>	<b><u>12.090.394.702</u></b>

### 16. Phải trả khác

<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>21.345.545.724</b>	<b>10.254.644.878</b>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	711.572.719	711.572.719
Công ty CP Công trình Giao Thông Công Chánh	70.000.000	70.000.000
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	9.387.138	9.387.138
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	5.412.301.564	5.547.209.146
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	200.861.007	27.396.443
Cổ tức phải trả cho cổ đông	11.436.087.485	1.065.178.735
Các khoản phải trả khác	3.505.335.811	2.823.900.697
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>	<b>16.554.728.200</b>	<b>16.371.815.341</b>
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước	16.554.728.200	16.371.815.341
<b>Cộng</b>	<b><u>37.900.273.924</u></b>	<b><u>26.626.460.219</u></b>

#### *Phải trả khác là các bên liên quan*

<i>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn</i>	<i>711.572.719</i>	<i>711.572.719</i>
<i>Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Công Chánh</i>	<i>70.000.000</i>	<i>70.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>781.572.719</u></b>	<b><u>781.572.719</u></b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 17. Vay và nợ tài chính

	01/01/2019		Trong kỳ			30/06/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay trong kỳ	Thanh toán trong kỳ	Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>3.737.480.000</b>	<b>3.737.480.000</b>	-	<b>(1.868.740.000)</b>	<b>3.162.140.000</b>	<b>5.030.880.000</b>	<b>5.030.880.000</b>
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn (i)	3.737.480.000	3.737.480.000	-	(1.868.740.000)	3.162.140.000	5.030.880.000	5.030.880.000
<b>b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>23.454.660.986</b>	<b>23.454.660.986</b>	<b>9.129.737.380</b>	<b>(398.700.000)</b>	<b>(3.162.140.000)</b>	<b>29.023.558.366</b>	<b>29.023.558.366</b>
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn (i)	23.454.660.986	23.454.660.986	9.129.737.380	(398.700.000)	(3.162.140.000)	29.023.558.366	29.023.558.366
<b>Cộng</b>	<b>27.192.140.986</b>	<b>27.192.140.986</b>	<b>9.129.737.380</b>	<b>(2.267.440.000)</b>	<b>-</b>	<b>34.054.438.366</b>	<b>34.054.438.366</b>

Thuyết minh chi tiết vay và nợ theo từng đối tượng:

#### [2] Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn

Hợp đồng tín dụng	: Số 6220-LAV-2017.01235/HDTD ngày 30 ngày 11 tháng 2017.
Số tiền cho vay	: 43.800.000.000 VND.
Thời gian cho vay	: 8 năm (kể từ ngày giải ngân).
Thời gian ân hạn	: 1 năm.
Lãi suất cho vay	: 7,5%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng/ lần hoặc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
Kỳ thanh toán nợ gốc	: Trả đều hàng quý, cùng kỳ với nợ lãi, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.
Kỳ thanh toán lãi	: Ngày 20 hàng quý (20/01, 20/4, 20/7 và 20/10).
Mục đích sử dụng vốn vay	: Đầu tư thay mới ống mục trên địa bàn Quận 5, Quận 6, Quận 8 cho 16 dự án đã có Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay là Hệ thống đường ống cấp nước và các tài sản có liên quan do Agribank - Chi nhánh Chợ Lớn tài trợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 6220-LCL-2017.01008/HTTL ngày 16/10/2017.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/06/2019</u>
Trong vòng 1 năm	5.030.880.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	20.123.520.000
Sau 5 năm	8.900.038.366
<b>Cộng</b>	<b>34.054.438.366</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(5.030.880.000)</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>29.023.558.366</u></b>

### 18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Tại ngày 01 tháng 01</u>	<u>Trích lập các quỹ từ lợi nhuận</u>	<u>Sử dụng các quỹ trong năm</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Tại ngày 30/6 hoặc 31/12</u>
<b>Năm 2018</b>					
Quỹ khen thưởng	1.951.505.657	2.549.870.877	(2.926.230.000)	113.590.000	1.688.736.534
Quỹ phúc lợi	108.166.828	2.926.340.546	(1.518.567.714)	-	1.515.939.660
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	92.990.852	302.125.000	(320.632.126)	-	74.483.726
<b>Cộng</b>	<b>2.152.663.337</b>	<b>5.778.336.423</b>	<b>(4.765.429.840)</b>	<b>113.590.000</b>	<b>3.279.159.920</b>
<b>Năm 2019</b>					
Quỹ khen thưởng	1.688.736.534	2.800.000.000	(2.766.758.333)	50.000.000	1.771.978.201
Quỹ phúc lợi	1.515.939.660	2.400.000.000	(620.064.000)	300.000	3.296.175.660
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	74.483.726	336.500.000	-	-	410.983.726
<b>Cộng</b>	<b>3.279.159.920</b>	<b>5.536.500.000</b>	<b>(3.386.822.333)</b>	<b>50.300.000</b>	<b>5.479.137.587</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Chi phí trả trước dài hạn
<b>01/01/2018</b>	<b>1.135.172.495</b>
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	1.677.673.970
<b>31/12/2018</b>	<b>2.812.846.465</b>
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ) trong kỳ	221.305.862
<b>30/06/2019</b>	<b>3.034.152.327</b>

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>01/01/2018</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>63.113.094.929</b>	<b>18.940.433.248</b>	<b>212.053.528.177</b>
Lãi trong năm trước	-	-	13.553.466.600	13.553.466.600
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	736.628.598	(736.628.598)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
<b>31/12/2018</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>63.849.723.527</b>	<b>16.878.934.827</b>	<b>210.728.658.354</b>
<b>01/01/2019</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>63.849.723.527</b>	<b>16.878.934.827</b>	<b>210.728.658.354</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	16.133.702.530	16.133.702.530
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.536.500.000)	(5.536.500.000)
Chia cổ tức	-	-	(10.400.000.000)	(10.400.000.000)
<b>30/06/2019</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>63.849.723.527</b>	<b>17.076.137.357</b>	<b>210.925.860.884</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

##### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số **0304797806** ngày 18 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 130.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 03 ngày 18/5/2018		30/06/2019	31/12/2018
	VND	%	VND	VND
Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	2,31	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	2.766.520.000	2,13	-	-
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	2,31	3.005.000.000	3.005.000.000
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	66.304.000.000	51,00	66.304.000.000	66.304.000.000
Ông Lê Huy Hùng	-	-	21.567.900.000	21.567.900.000
Các cổ đông khác	54.924.480.000	42,25	36.123.100.000	36.123.100.000
<b>Cộng</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Cổ phiếu

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

#### Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 như sau:

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>
Chia cổ tức cho các cổ đông	10.400.000.000	9.100.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	736.628.598
Trích quỹ khen thưởng	2.800.000.000	2.549.870.877
Trích quỹ phúc lợi	2.400.000.000	2.926.340.546
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	336.500.000	302.125.000
<b>Cộng</b>	<b><u>15.936.500.000</u></b>	<b><u>15.614.965.021</u></b>

#### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

##### 1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>
Doanh thu cung cấp nước	513.424.497.964	478.326.954.504
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.197.893.117	6.911.999.173
<b>Cộng</b>	<b><u>521.622.391.081</u></b>	<b><u>485.238.953.677</u></b>

##### 2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp nước	467.128.605.811	455.188.647.264
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	5.195.271.400	8.158.876.543
<b>Cộng</b>	<b><u>472.323.877.211</u></b>	<b><u>463.347.523.807</u></b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	916.229.379	569.791.383
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	23.435.061	21.546.221
<b>Cộng</b>	<b>939.664.440</b>	<b>591.337.604</b>

## 4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	1.269.677.818	340.461.419
<b>Cộng</b>	<b>1.269.677.818</b>	<b>340.461.419</b>

## 5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	7.459.056.052	5.086.894.920
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	277.245.923	1.080.283.281
Chi phí khấu hao	336.866.079	463.406.820
Chi phí bằng tiền khác	841.585.351	1.347.771.263
<b>Cộng</b>	<b>8.914.753.405</b>	<b>7.978.356.284</b>

## 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	9.455.128.799	9.258.464.550
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.584.926.970	1.705.229.592
Chi phí khấu hao	1.806.200.255	1.965.764.204
Thuế, phí và lệ phí	115.029.523	695.936.170
Thuê đất	590.234.400	467.147.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.758.760	248.042.823
Chi phí bằng tiền khác	6.441.854.437	4.114.766.250
<b>Cộng</b>	<b>20.080.133.144</b>	<b>18.455.350.789</b>

## 7. Lợi nhuận (lỗ) khác

<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.007.023.011</b>	<b>1.080.220.551</b>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	73.650.822
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	909.091	3.636.364
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	800.706.888	327.223.252
Thu phí định mức nước, bồi thường di dời hệ thống cấp nước	-	559.712.674
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	11.848.000	400.000
Thu nhập khác	193.559.032	115.597.439
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.240.580.381</b>	<b>(16.245.764)</b>
Chi phí thanh lý Tài sản cố định	99.840.294	-
Nộp thuế chậm nộp	92.367.240	-
Chi phí hồ sơ mời thầu	5.168.182	-
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái	891.067.385	(22.650.085)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>
Chi phí khác	152.137.280	6.404.321
<b>Lợi nhuận (lỗ) khác thuần</b>	<b>(233.557.370)</b>	<b>1.096.466.315</b>
<b>8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>Lợi nhuận (lỗ) trước thuế</b>	<b>19.740.056.573</b>	<b>(3.194.934.703)</b>
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	16.123.282.814	(3.295.399.833)
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	3.616.773.759	100.465.130
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>(1.126.303.088)</b>	<b>200.508.996</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.218.670.328)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	92.367.240	200.508.996
<b>Trừ: Lỗ các năm trước được kết chuyển</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	23%	39%
<b>Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)</b>	<b>18.613.753.485</b>	<b>(2.994.425.707)</b>
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	3.377.025.157	(1.193.203.924)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	11.619.954.569	(1.901.686.913)
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	3.616.773.759	100.465.130
<b>Thuế suất áp dụng</b>		
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	10%	10%
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.385.048.181</b>	<b>-</b>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Từ năm 2018, Công ty đã hết thời gian được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% nên Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

#### a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
<b>Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>16.133.702.530</b>	<b>(3.924.623.327)</b>
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
<b>Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>16.133.702.530</b>	<b>(3.924.623.327)</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.241</b>	<b>(302)</b>

#### b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

<b>Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>16.133.702.530</b>	<b>(3.924.623.327)</b>
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
<b>Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>16.133.702.530</b>	<b>(3.924.623.327)</b>
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
<b>Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>	<b>16.133.702.530</b>	<b>(3.924.623.327)</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<i>Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi</i>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>	<b>13.000.000</b>	<b>13.000.000</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.241</b>	<b>(302)</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>
Chi phí nước sạch	365.832.618.307	354.656.615.481
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.295.005.070	5.685.642.041
Chi phí nhân công	51.545.178.518	46.280.339.111
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.299.046.972	22.611.101.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.247.389.864	24.263.341.377
Chi phí bằng tiền khác	32.099.525.029	36.284.190.782
<b>Cộng</b>	<b><u>501.318.763.760</u></b>	<b><u>489.781.230.580</u></b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### 1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>
Mua sắm/ xây dựng tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp	580.230.958	1.503.306.106
Cổ tức phải trả	<u>11.436.087.485</u>	<u>6.546.754.354</u>

### 2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong kỳ này	941.469.774	83.437.500
Mua sắm/ xây dựng tài sản còn nợ năm trước đã thanh toán trong kỳ này	2.555.816.179	207.016.483
Trả trước người bán mua sắm tài sản cố định	6.425.848.868	-
Cổ tức phải trả năm trước đã trả trong kỳ này	<u>29.091.250</u>	<u>1.116.233.319</u>

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

#### *Giao dịch với các bên liên quan*

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

#### **Bên liên quan**

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn  
Công ty CP Công trình Giao Thông Công Chánh  
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh  
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước  
Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch

#### **Mối quan hệ**

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn điều lệ)  
Công ty cùng tập đoàn  
Công ty cùng tập đoàn  
Công ty cùng tập đoàn  
Công ty cùng tập đoàn

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty CP Cấp nước Tân Hòa

Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>
<b>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn</b>		
Cho thuê TSCĐ huyện Bình Chánh	2.485.711.530	2.770.804.660
Cung cấp dịch vụ khác	-	(819.520.536)
Mua nước sạch	360.613.756.038	347.702.854.358
Mua vật tư	515.131.000	-
Lãi vay phải trả	-	301.767.339
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước</b>		
Phải trả phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tự thiết kế, tư vấn giám sát công trình	62.491.909	938.333.745
<b>Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	(123.437)
<b>Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh</b>		
Phải trả xây dựng cơ bản	-	717.510.137
Tạm ứng hợp đồng tư vấn	72.920.800	-
<b>Công ty CP Cấp nước Tân Hòa</b>		
Phải trả cung cấp dịch vụ dò, sửa bể	401.203.636	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:		
	<b>30/06/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn</b>		
Phải thu thương mại	9.401.199.062	12.951.055.881
Phải trả thương mại	(69.009.450.310)	(95.768.554.632)
Phải trả phí thực hiện công trình XD CB, gia công đồng hồ nước	(711.572.719)	(711.572.719)
<b>Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh</b>		
Phải trả Xây dựng cơ bản	(150.756.456)	(223.677.256)
<b>Công ty Công trình Giao thông Công Chánh</b>		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(70.000.000)	(70.000.000)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
<b><i>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước</i></b> Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư thiết kế, tư vấn giám sát công trình	<u>176.086.107</u>	<u>103.158.207</u>
<b><i>Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch</i></b> Phải thu cung cấp dịch vụ	-	292.958.500
Phải thu khác	<u>15.695.000</u>	<u>15.695.000</u>
<b><i>Công ty CP Cấp nước Tân Hòa</i></b> Phải trả cung cấp dịch vụ dò, sửa bể	<u>10.967.100</u>	<u>-</u>
<b><i>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt</i></b> Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:		
	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>
Tiền lương	<u>1.296.000.000</u>	<u>1.296.000.000</u>
Các khoản bảo hiểm phải trả	<u>40.032.069</u>	<u>44.807.017</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.336.032.069</u></b>	<b><u>1.340.807.017</u></b>

## 2. Báo cáo theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý của Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa lý của khách hàng của Công ty.

### ***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh***

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

### ***Bộ phận theo khu vực địa lý***

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (Quận 5, Quận 6, Quận 8, Quận Bình Tân).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 3. Công cụ tài chính

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

#### Các loại công cụ tài chính

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.133.810.484	33.133.810.484	32.462.303.526	32.462.303.526
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	64.608.685.526	64.608.685.526	50.605.083.234	50.605.083.234
Phải thu của khách hàng	20.725.395.662	20.725.395.662	18.747.944.300	18.747.944.300
Phải thu khác	287.129.753	287.129.753	954.762.408	954.762.408
<b>Cộng</b>	<b>118.755.021.425</b>	<b>118.755.021.425</b>	<b>102.770.093.468</b>	<b>102.770.093.468</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	76.949.396.459	76.949.396.459	106.546.476.852	106.546.476.852
Chi phí phải trả	41.882.398.171	41.882.398.171	12.090.394.702	12.090.394.702
Phải trả khác	37.690.025.779	37.690.025.779	26.589.676.638	26.589.676.638
Các khoản vay	34.054.438.366	34.054.438.366	27.192.140.986	27.192.140.986
<b>Cộng</b>	<b>190.576.258.775</b>	<b>190.576.258.775</b>	<b>172.418.689.178</b>	<b>172.418.689.178</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

### ***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

### ***Quản lý rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng,...).

### ***Phải thu khách hàng***

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng, cụ thể ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ, đánh giá tổn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định hiện hành.

Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

### ***Tiền gửi ngân hàng***

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>30/06/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.133.810.484	-	-	33.133.810.484
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	64.600.355.526	8.330.000	-	64.608.685.526
Phải thu của khách hàng	20.725.395.662	-	-	20.725.395.662
Phải thu khác	273.837.119	13.292.634	-	287.129.753
<b>Cộng</b>	<b>118.733.398.791</b>	<b>21.622.634</b>	-	<b>118.755.021.425</b>
Phải trả cho người bán	76.949.396.459	-	-	76.949.396.459
Chi phí phải trả	41.882.398.171	-	-	41.882.398.171
Phải trả khác	21.135.297.579	16.554.728.200	-	37.690.025.779
Các khoản vay	5.030.880.000	20.123.520.000	8.900.038.366	34.054.438.366
<b>Cộng</b>	<b>144.997.972.209</b>	<b>36.678.248.200</b>	<b>8.900.038.366</b>	<b>190.576.258.775</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(26.264.573.418)</b>	<b>(36.656.625.566)</b>	<b>(8.900.038.366)</b>	<b>(71.821.237.350)</b>

#### **01/01/2019**

Tiền và các khoản tương đương tiền	32.462.303.526	-	-	32.462.303.526
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.596.753.234	8.330.000	-	50.605.083.234
Phải thu của khách hàng	18.747.944.300	-	-	18.747.944.300

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải thu khác	941.469.774	13.292.634	-	954.762.408
<b>Cộng</b>	<b>102.748.470.834</b>	<b>21.622.634</b>	-	<b>102.770.093.468</b>
Phải trả cho người bán	106.546.476.852	-	-	106.546.476.852
Chi phí phải trả	12.090.394.702	-	-	12.090.394.702
Phải trả khác	10.217.861.297	16.371.815.341	-	26.589.676.638
Các khoản vay	3.737.480.000	18.687.400.000	4.767.260.986	27.192.140.986
<b>Cộng</b>	<b>132.592.212.851</b>	<b>35.059.215.341</b>	<b>4.767.260.986</b>	<b>172.418.689.178</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(29.843.742.017)</b>	<b>(35.037.592.707)</b>	<b>(4.767.260.986)</b>	<b>(69.648.595.710)</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

#### 4. Số liệu so sánh

Một số số liệu của Báo cáo kỳ trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

#### 5. Các sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2019

  
NGUYỄN THỊ KIM LOAN  
Người lập biểu

  
VŨ THỊ NHƯ QUỲNH  
Kế toán trưởng

  
  
HUỲNH TUẤN ANH  
Giám đốc

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019 (SAU SOÁT XÉT)

Theo báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của 6 tháng đầu năm 2019 như sau:

### I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

#### a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Doanh thu nước và doanh thu cho thuê TSCĐ	513.424.497.964	478.326.954.504	35.097.543.460	107,34%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.197.893.117	6.911.999.173	1.285.893.944	118,60%
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>521.622.391.081</b>	<b>485.238.953.677</b>	<b>36.383.437.404</b>	<b>107,50%</b>

#### b. Thuyết minh:

Doanh thu thuần bán hàng 6 tháng đầu năm 2019 cao hơn 6 tháng đầu năm 2018 là 36.383.437.404 đồng, tỷ lệ tăng 107,5% do:

1. Doanh thu nước và doanh thu cho thuê TSCĐ 6 tháng đầu năm 2019 cao hơn 6 tháng đầu năm 2018 là 35.097.543.460 đồng, tỷ lệ tăng là 107,34% do:

Sản lượng nước cung cấp 6 tháng đầu năm 2019 tăng so với 6 tháng đầu năm 2018 là 2.566.379 m<sup>3</sup>, tỷ lệ tăng 105,06% làm cho doanh thu nước tăng 24.593.822.668 đồng.

Giá bán bình quân 6 tháng đầu năm 2019 tăng so với 6 tháng đầu năm 2018 là 212,59 đồng/m<sup>3</sup>, tỷ lệ tăng 102,27%, làm cho doanh thu tăng thêm 10.788.813.922 đồng

Doanh thu cho thuê TSCĐ huyện Bình Chánh 6 tháng đầu năm 2019 giảm 285.093.130 đồng so với 6 tháng đầu năm 2018 do 6 tháng đầu năm 2019 Công ty không còn phải trả chi phí lãi vay cho các TSCĐ của Huyện Bình Chánh

2. Doanh thu cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2019 tăng so với 6 tháng đầu năm 2018 là 1.285.893.944 đồng, tỷ lệ tăng 118,60%

### II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

#### a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán nước	467.128.605.811	455.188.647.264	11.939.958.547	102,62%
Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ	5.195.271.400	8.158.876.543	(2.963.605.143)	63,68%
<b>Cộng</b>	<b>472.323.877.211</b>	<b>463.347.523.807</b>	<b>8.976.353.404</b>	<b>101,94%</b>

Trong đó chi tiết giá vốn nước:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nguyên vật liệu – nước sạch	365.832.618.307	354.656.615.481	11.176.002.826	103,15%
Chi phí nguyên vật liệu khác	1.925.738.270	1.014.880.293	910.857.977	189,75%
Chi phí nhân công	34.630.993.667	31.934.979.641	2.696.014.026	108,44%
Chi phí khấu hao tài sản	21.155.980.638	20.181.930.764	974.049.874	104,83%
Chi phí thuê tài sản hoạt động	23.160.631.104	24.015.298.554	(854.667.450)	96,44%



Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	12.113.890.072	17.191.926.060	(5.078.035.988)	70,46%
Chi phí chống thất thoát nước	3.284.805.526	3.228.256.245	56.549.281	101,75%
Chi phí cải tạo ống mục	555.438.931	463.165.611	92.273.320	119,92%
Chi phí sửa bể	3.880.572.926	1.774.049.076	2.106.523.850	218,74%
Chi phí khác	587.936.370	727.545.539	(139.609.169)	80,81%
<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b>467.128.605.811</b>	<b>455.188.647.264</b>	<b>11.939.958.547</b>	<b>102,62%</b>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ			-	
<b>Giá vốn đã cung cấp</b>	<b>467.128.605.811</b>	<b>455.188.647.264</b>	<b>11.939.958.547</b>	<b>102,62%</b>

*b. Thuyết minh*

Giá vốn hàng bán trong 6 tháng đầu năm 2019 cao hơn so với 6 tháng đầu năm 2018 là 8.976.353.404 đồng, tỷ lệ tăng 101,94% gồm:

1. Chi phí mua si nước sạch tăng 11.940.213.800 đồng, tỷ lệ tăng 102,62% do:

Sản lượng nước mua si 6 tháng đầu năm 2019 tăng so với 6 tháng đầu năm 2018 là 975.525 m<sup>3</sup> tỷ lệ tăng 101,38% làm chi phí mua si tăng 4.995.273.315 đồng

Giá mua si nước sạch tăng 87,71 đồng/m<sup>3</sup>, tỷ lệ tăng 101,74% làm cho chi phí mua si nước sạch tăng tương ứng 6.180.729.510 đồng

2. Chi phí nguyên liệu, vật liệu khác phục vụ công tác sửa bể, chống thất thoát nước tăng 910.857.977 đồng, tỷ lệ tăng 189,75%.

3. Chi phí nhân công 6 tháng đầu năm 2019 cao hơn 6 tháng đầu năm 2018 là 2.696.014.026 đồng, tỷ lệ tăng 108,44%, tăng chủ yếu do tăng khoản chi phí bảo hiểm nhân thọ (tăng 400.000đ/người), chi phí khám sức khỏe hạch toán trong 6 tháng đầu năm 2019, năm 2018 hạch toán vào tháng 7.

4. Chi phí KHTSCĐ tăng 974.049.874 đồng, tỷ lệ tăng 104,83%

5. Chi phí thuê TSCĐ giảm 854.667.450 đồng, tỷ lệ giảm 3,56% do chi phí lãi vay phải trả của Tcty giảm nên chi phí thuê tài sản giảm.

6. Chi phí gắn và thay ĐHN 6 tháng đầu năm 2019 giảm so với 6 tháng đầu năm 2018 là 5.078.035.988 đồng, tỷ lệ giảm 29,54% do năm 2019, Công ty không còn phải gánh chi phí phân bổ gắn ĐHN của năm 2015 và chi phí phân bổ thay ĐHN của năm 2016.

7. Chi phí cải tạo ống mục tăng 92.273.320 đồng, tỷ lệ tăng 119,92% so với 6 tháng đầu 2018.

8. Chi phí sửa bể 6 tháng đầu năm 2019 tăng so với 6 tháng đầu năm 2018 là 2.106.523.850 đồng, tỷ lệ tăng 218,74%, do 6 tháng đầu năm 2019 Công ty đẩy mạnh công tác chống thất thoát nước thuê đơn vị bên ngoài dò và sửa bể nhằm kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước ( cụ thể 6 tháng đầu năm 2019 Công ty đã thuê đơn vị bên ngoài dò và sửa bể là 2.138.936.092 đồng, 6 tháng đầu 2018 chi phí thuê ngoài là 788.397.120 đồng)

9. Giá vốn cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2019 giảm so với 6 tháng đầu năm 2018 là 2.963.605.143 đồng, tỷ lệ giảm 36,32%

### III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

*a. Phân tích chi tiêu:*

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	7.459.056.052	5.086.894.920	2.372.161.132	146,63%
Chi phí công cụ dụng cụ	277.245.923	1.080.283.281	-803.037.358	25,66%
Chi phí khấu hao	336.866.079	463.406.820	-126.540.741	72,69%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	841.585.351	1.347.771.263	-506.185.912	62,44%
<b>Cộng</b>	<b>8.914.753.405</b>	<b>7.978.356.284</b>	<b>936.397.121</b>	<b>111,74%</b>

*b. Thuyết minh:*

03  
C  
C  
C  
C  
C  
5-T

Chi phí bán hàng 6 tháng đầu năm 2019 cao so với 6 tháng đầu năm 2018, tăng 936.397.121 đồng, tỷ lệ tăng 111,74% chủ yếu do:

Chi phí nhân công tăng 2.372.161.132 đồng, tỷ lệ tăng 146,63% tăng chủ yếu do: 6 tháng đầu năm Công ty hạch toán tạm chi phí tiền lương theo kế hoạch tiền lương đã được duyệt, bên cạnh đó, quỹ lương kế hoạch năm 2019 cao hơn quỹ lương năm 2018.

Chi phí công cụ dụng cụ giảm 803.037.358 đồng, tỷ lệ giảm 74,34%

Chi phí khấu hao giảm 126.540.741 đồng, tỷ lệ giảm 27,31%

Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác giảm 506.185.912 đồng, tỷ lệ giảm 37,56%, so với 6 tháng đầu năm 2018

#### IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

##### a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	9.455.128.799	9.258.464.550	196.664.249	102,12%
Chi phí công cụ dụng cụ	1.584.926.970	1.705.229.592	(120.302.622)	92,95%
Chi phí khấu hao	1.806.200.255	1.965.764.204	(159.563.949)	91,88%
Thuế, phí chuyển tiền	115.029.523	105.701.770	9.327.753	108,82%
Thuê đất	590.234.400	1.057.381.600	(467.147.200)	55,82%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	6.528.613.197	4.362.809.073	2.165.804.124	149,64%
<b>Cộng</b>	<b>20.080.133.144</b>	<b>18.455.350.789</b>	<b>1.624.782.355</b>	<b>108,80%</b>

##### b. Thuyết minh:

Chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng đầu năm năm 2019 tăng so với 6 tháng đầu năm năm 2018 là 1.624.782.355 đồng, tỷ lệ tăng 108,8% do: tăng chi phí bảo hiểm nhân thọ, chi phí tham quan năm 2019 Công ty hạch toán vào 6 tháng đầu năm, năm 2018 thì hạch toán vào quý 3 năm 2018.

#### V. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

##### a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	916.229.379	569.791.383	346.437.996	160,80%
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.435.061	21.546.221	1.888.840	108,77%
<b>Cộng</b>	<b>939.664.440</b>	<b>591.337.604</b>	<b>348.326.836</b>	<b>158,90%</b>

##### b. Thuyết minh:

Lãi tiền gửi ngân hàng 6 tháng đầu năm năm 2019 tăng so với 6 tháng đầu năm năm 2018 là 348.326.836 đồng, tỷ lệ tăng 158,9% do 6 tháng đầu năm năm 2019 lượng tiền gửi có kỳ hạn đến kỳ đáo hạn cao hơn so với 6 tháng đầu năm năm 2018

#### IV. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

##### a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí lãi vay	1.269.677.818	340.461.419	929.216.399	372,93%
<b>Cộng</b>	<b>1.269.677.818</b>	<b>340.461.419</b>	<b>929.216.399</b>	<b>372,93%</b>

##### b. Thuyết minh:

Chi phí hoạt động tài chính của 6 tháng đầu năm 2019 tăng so với 6 tháng đầu năm 2018 là 929.216.399 đồng, tỷ lệ tăng 372,93%, do 6 tháng đầu năm 2019 Công ty thanh toán lãi vay các dự án năm 2017 đã giải ngân trong năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019

## VI. THU NHẬP KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Thu hồ sơ mời thầu	909.091	3.636.364	(2.727.273)	25,00%
Thu tiền KH đầu tư ống cái	800.706.888	327.223.252	473.483.636	244,70%
Thu tiền thanh lý tài sản		73.650.822	(73.650.822)	
Khảo sát thiết kế đường ống	11.848.000	400.000	11.448.000	2962,00%
Thu tiền bồi thường di dời		559.712.674	(559.712.674)	
Thu khác	193.559.032	115.597.439	77.961.593	167,44%
<b>Cộng</b>	<b>1.007.023.011</b>	<b>1.080.220.551</b>	<b>(73.197.540)</b>	<b>93,22%</b>

b. Thuyết minh:

Thu nhập khác của 6 tháng đầu năm 2019 thấp hơn 6 tháng đầu năm 2018 là 73.197.540 đồng, tỷ lệ giảm 6,78% do:

Thu tiền khách hàng đầu tư ống cái tăng 473.483.636 đồng so với 6 tháng đầu năm 2018, tỷ lệ tăng 244,7%

Thu tiền bồi thường di dời 6 tháng đầu năm 2019 Công ty không phát sinh thu nhập này, trong khi 6 tháng đầu năm 2018 thu được 559.712.674 đồng.

6 tháng đầu năm 2019 Công ty phát sinh thu nhập khác từ hàng được tặng là 167.304.500 đồng.

## VII. CHI PHÍ KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018	Chênh lệch
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)
Chi phí thanh lý	99.840.294		99.840.294
Đăng báo mời thầu	5.168.182	-	5.168.182
Chi phí ống cái do KH đầu tư không hoàn vốn	891.067.385	(22.650.085)	913.717.470
Di dời hệ thống cấp nước			-
Nộp phạt chậm nộp thuế TNDN năm 2017	92.367.240		92.367.240
Khác	152.137.280	6.404.321	145.732.959
<b>Cộng</b>	<b>1.240.580.381</b>	<b>(16.245.764)</b>	<b>1.256.826.145</b>

b. Thuyết minh:

Chi phí khác của 6 tháng đầu năm 2019 tăng so với 6 tháng đầu năm 2018 là 1.012.363.905 đồng do:

Chi phí ống cái 6 tháng đầu năm 2019 tăng cao hơn 6 tháng đầu năm 2018 là 913.717.470 đồng.

Chi phí thanh lý 6 tháng đầu năm 2019 phát sinh 99.840.294 đồng, 6 tháng đầu năm 2018 không có phát sinh

Chi phí hàng được tặng 6 tháng đầu năm 2019 phát sinh 152.095.000 đồng còn 6 tháng đầu năm 2018 không có phát sinh

7805  
TY  
IÂN  
JOC  
ON  
CHI



**IIX. LỢI NHUẬN:***a. Phân tích chỉ tiêu:*

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018	Chênh lệch
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	19.740.056.573	(3.194.934.703)	22.934.991.276
Thuế TNDN	3.385.048.181		3.385.048.181
Thuế TNDN hoãn lại	221.305.862	729.688.624	(508.382.762)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	<b>16.133.702.530</b>	<b>(3.924.623.327)</b>	<b>20.058.325.857</b>

*b. Thuyết minh:*

Qua phân tích các chỉ tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thì lợi nhuận trước thuế của 6 tháng đầu năm 2019 là 19.740.056.573 đồng, lợi nhuận sau thuế là 16.133.702.530 đồng

LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ KIM LOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VŨ THỊ NHƯ QUỲNH

Quận 5, ngày 14 tháng 08 năm 2019



GIÁM ĐỐC

HUỲNH TUẤN ANH

